

Bản án số: 211/2019/DS-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Anh Thư

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1754/2019/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2149/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Đức H, trú tại: Tầng 2, số 296 đường Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 01 năm 2019).

Ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tú Tr, sinh năm 1978

Địa chỉ: P371B- Số 23 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Bà Trần Thị Tú Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng V- Có ông Nguyễn Đức H- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng V (Gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho bà Trần Thị Tú Tr. Theo đó, các hợp đồng mà bà Tr đã ký với Ngân hàng là:

Hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013, số tiền vay: 120.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: 22%/năm...

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013 theo Đơn đăng ký kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 18/10/2013 (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013), hạn mức vay: 50.000.000 đồng...

Các hợp đồng này do cá nhân bà Tr vay tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện, nhưng bà Tr cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với hợp đồng tín dụng, tổng số tiền bà Tr đã thanh toán cho Ngân hàng là 38.407.611 đồng, bao gồm: 23.380.000 đồng nợ gốc và 15.027.611 đồng nợ lãi.

Tổng dư nợ tính đến ngày 28/6/2019 đối với hợp đồng tín dụng là 250.441.387 đồng, trong đó: Nợ gốc: 96.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 102.499.662 đồng, nợ lãi quá hạn: 51.321.726 đồng. Lãi quá hạn tính từ ngày 30/5/2014.

Tính đến ngày 28/6/2019, tổng dư nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013 là 176.074.202 đồng, trong đó nợ gốc: 49.671.942 đồng, nợ lãi trong hạn: 84.268.174 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.134.087 đồng. Lãi quá hạn tính từ ngày 08/4/2014.

Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Tr phải trả ngay toàn bộ nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013, tạm tính đến hết ngày 28/6/2019 là: 426.515.589 đồng.

Bà Tr phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Hợp đồng tín dụng số: HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013;
- Đơn đăng ký kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 18/10/2013;
- Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng VPBank;
- Quyết định phê duyệt tín dụng;
- Các bản sao kê tài khoản;

- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Trần Thị Tú Tr;
- Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng;
- Hồ sơ pháp lý của Nguyên đơn.

** Đối với Bị đơn- Bà Trần Thị Tú Tr:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng bà Tr không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Bà Tr không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Ngày 18 và 25/10/2013, bà Trần Thị Tú Tr cùng Ngân hàng V- sau đây gọi tắt là Ngân hàng- xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng. Do bà Tr không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Bà Tr là Bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.2] Bà Tr được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr.

Ngân hàng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng V.

[2] *Về pháp luật nội dung:*

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc:

- Buộc bà Tr phải trả ngay toàn bộ nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013 theo Đơn đăng ký kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 18/10/2013, tạm tính đến hết ngày 28/6/2019 là: 426.515.589 đồng.

- Bà Tr phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013, Đơn đăng ký kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank cùng bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng VPBank giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên cần buộc bà Tr thực hiện đúng nội dung thỏa thuận.

Do vậy, các yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Tú Tr phải trả ngay cho Ngân hàng V toàn bộ nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013 và Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 18/10/2013 (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013) cụ thể như sau:

Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số HCM/13/5325/HĐTD/UPL ngày 25/10/2013 là 96.620.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 102.499.662 đồng, nợ lãi quá hạn: 51.321.726 đồng.

Nợ gốc theo Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 18/10/2013 (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giải ngân ngày 29/10/2013) là 49.671.942 đồng, nợ lãi trong hạn: 84.268.174 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.134.087 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng, Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tú Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.060.624 (Hai mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi bốn) đồng.

Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng V 8.294.796 đ (Tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0022634 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh